TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 142/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/11/2019.
V/v: " Yêu cầu ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC – TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Dương Đình Luật.
Bà Phùng Thị Khánh Vân.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên toà: ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số: 455/2019/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019, về việc: " Yêu cầu ly hôn ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:154/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày: 21/10/2019, quyết định hoãn phiên toà số:124/2019/QĐST – HNGĐ ngày: 05/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NTLD, sinh năm: 1988 – (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
HKTT: tổ 6, ấp LG, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Bị đơn: PTD, sinh năm: 1985 – (Vắng mặt).
HKTT: khu phố 5, TT TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở hiện nay: tổ 6, ấp LG, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2019, bản khai, biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Nguyên đơn chị NTLD trình bày: chị D kết hôn với anh D vào tháng 4/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trước lúc kết hôn có tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới, gia đình hai bên đều biết và đồng ý. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù, hai bên đã dàn xếp nhiều lần nhưng không được. Vì vậy, từ tháng 7/2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị D yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: có 03 con chung là: PQB, sinh ngày: 14/11/2009, PBNA, sinh ngày: 26/3/2014 và PAK, sinh ngày: 03/9/2018, hiện nay cháu B và cháu A đang sống cùng với anh D, còn cháu K đang sống cùng với chị D. Nếu ly hôn chị D đồng ý để anh D tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, cháu A. Chị D không cấp dưỡng nuôi con, còn cháu K chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh D tự thoả thuận giải quyết với nhau, chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản khai trong quá trình tố tụng tại Toà án, bị đơn anh PTD trình bày: về thời gian, điều kiện kết hôn anh D công nhận đúng như chị D đã trình bày.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Vì vậy, từ tháng 6/2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Nay chị D yêu cầu ly hôn anh D không đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: có 03 con chung là: PQB, sinh ngày: 14/11/2009, PBNA, sinh ngày: 26/3/2014 và PAK, sinh ngày: 03/9/2018, hiện nay cháu B và cháu A đang sống cùng với anh D, còn cháu K đang sống cùng với chị D. Nếu ly hôn anh D đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và cháu A, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu K để chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Anh PTD dù đã được toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay anh D vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo những quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Các lần hoà giải và tại hai phiên toà bị đơn không chấp hành theo sự triệu tập của Toà án dù đã được triệu tập hợp lệ là chưa nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: Yêu cầu của chị D là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: chị NTLD khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị D ly hôn với anh PTD và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Đây là tranh chấp về yêu cầu ly hôn và nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ (Bút lục số: 35 A), anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng

mặt, nên áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị D và anh D.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị D và anh D là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số: 09) nên là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng mỗi bên trình bày một nguyên nhân khác nhau, nhưng đều thừa nhận là có mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, từ tháng 6/2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế (Bút lục số: 20,21). Việc này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương (Bút lục số: 35B). Điều đó chứng tỏ: giữa chị D và anh D không còn tin tưởng, yêu thương, tôn trọng, chia sẻ lẫn nhau. Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, mặc dù anh D không đồng ý ly hôn, nhưng việc chị D yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị D. Về hôn nhân chị D được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: có 03 con chung là: PQB, sinh ngày: 14/11/2009, PBNA, sinh ngày: 26/3/2014 và PAK, sinh ngày: 03/9/2018, hiện nay cháu B và cháu A đang sống cùng với anh D, còn cháu K đang sống cùng với chị D. Nếu ly hôn cả chị D và anh D đều đồng ý để anh D tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, cháu A, còn cháu K để chị D tiếp tục nuôi dưỡng (Bút lục số: 20,21).

Xét thấy: từ khi ly thân đến nay nay anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và cháu A, còn chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Cháu K hiện nay dưới 36 tháng tuổi và cũng để đảm bảo nếp sống, sinh hoạt bình thường của các cháu, thì để anh D tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, cháu A. Chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là phù hợp. Vì vậy, giao cháu B và cháu A cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, còn cháu giao cháu K cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: do cả chị D và anh D đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (Bút lục số: 20,21). Vì vậy, HĐXX không xem xét. Nếu sau này hai bên có tranh chấp về vấn đề này thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: mỗi bên trình bày một khác nhau, nhưng anh D không có mặt nên không kiểm tra được lời trình bày của ai là đúng. Mặt khác, chị D chưa yêu cầu Toà án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này hai bên có tranh chấp về vấn đề này thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định.

[5] Về án phí: Do là nguyên đơn nên chị D phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị NTLD đối với anh PTD.

[1] Về hôn nhân: chị NTLD được ly hôn với anh PTD.

[2] Về con chung: có 03 con chung là: PQB, sinh ngày: 14/11/2009, PBNA, sinh ngày: 26/3/2014 và PAK, sinh ngày: 03/9/2018, hiện nay cháu B và cháu A đang sống cùng với anh D, còn cháu K đang sống cùng với chị D.

Anh D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo và cháu A, tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Chị D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu K tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Chị D, anh D được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc chị D và anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về án phí: chị D phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà chị D đã nộp theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0000356 ngày 07/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM. Chị D đã nộp đủ án phí.

[5] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận.
- TAND tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- Chi cục THADS huyện XM.
- UBND xã BC.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Hoàng Ngọc Tuấn